

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-ST

Ngày: 14 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Tình và ông Nguyễn Xuân Thí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Phan Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại phòng xét xử hình sự. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST - HS ngày 05 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Thông báo hoãn phiên tòa số 23/2025/TB-TA ngày 28/3/2025, đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn L, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1981, tại huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Nguyễn Thanh S và bà: Mai Thị N; có vợ: Tô Thị T và 03 con: lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; quá trình nhân thân: Năm 2017 bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vận chuyển lâm sản (gỗ) trái pháp luật” bằng hình thức phạt tiền, bị cáo đã thi hành xong. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/9/2024 cho đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Võ Huy H, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Võ Đăng Nn, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số A Quốc lộ A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Trần Quang V, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

3. Chị Tô Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2015, ông Võ Đăng N ở thành phố Hồ Chí Minh mua chiếc xe ô tô khách, nhãn hiệu THACO, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 101409, biển kiểm soát BKS 51B - 187.06, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2015. Ngày 06/9/2015, ông N bàn giao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 101409 để thực hiện Hợp đồng thế chấp xe ô tô cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình để vay vốn. Đến năm 2016, ông N bán xe ô tô mang BKS 51B -187.06 cho ông Trần Quang V ở tỉnh Hà Tĩnh, với giá 2.500.000.000 đồng. Để thực hiện việc mua bán, ông V đã thanh toán cho ông N, số tiền 1.500.000.000 đồng, số tiền còn lại ông V thanh toán bằng cách hàng tháng nộp số tiền 45.000.000 đồng vào Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình để trả nợ thay cho ông N theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô BKS 51B - 187.06. Đến tháng 7/2021, ông V bán lại xe ô tô trên cho Nguyễn Văn L, với giá 1.080.000.000 đồng, đồng thời bàn giao giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng cho L để lưu thông và làm thủ tục đăng kiểm. Do mâu thuẫn trong quá trình mua bán xe ô tô giữa các bên nên bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đang được thế chấp trong Ngân hàng chưa lấy ra được. L đã lên mạng Internet tìm kiếm và thuê người làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. Sau đó, L đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả làm thủ tục đăng kiểm tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3805D đối với xe ô tô BKS 51B - 187.06 vào các ngày 12/4/2023 và 17/10/2023 và dùng xuất trình trong quá trình làm việc với Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/10/2023. Đến ngày 09/11/2023, L thỏa thuận, bán xe ô tô BKS 51B - 187.06 cho anh Võ Huy H ở tỉnh Hà Tĩnh, với giá 1.040.000.000 đồng, đồng thời giao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho anh Hoàng để lưu thông và đăng kiểm. Sau khi ký kết hợp đồng, anh H nhận xe ô tô BKS 51B - 187.06 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô từ L và đã thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng cho L bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của chị Tô Thị T (vợ của L). Khi bán xe L và anh H đã thỏa thuận, thống nhất về việc L bán xe ô tô cho anh H với giá 1.040.000.000 đồng, L có trách nhiệm làm thủ tục sang tên đổi chủ xe ô tô khi anh Hoàng có yêu cầu. Tuy nhiên, do bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 51B - 187.06 đang được ông Võ Đăng N thế chấp ở ngân hàng nên L đã liên hệ với ông N và chuyển vào tài khoản ông N số tiền 200.000.000 đồng, mục đích để ông N trả hết nợ cho ngân hàng và lấy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giao cho anh Hoàng theo thỏa thuận. Do ông N tiêu hết số tiền này không trả nợ cho ngân hàng nên không rút giấy đăng ký xe ô tô ra để giao cho anh H được. Ngày 10/4/2024, anh H đưa xe ô tô nói trên đi kiểm định thì bị Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3805D phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả. Anh H yêu cầu L đưa giấy tờ gốc của xe ô tô nhưng L chưa có để đưa cho H nên H đã gửi đơn tố giác đến Cơ quan Công an tỉnh Quảng Bình. Ngày 08/6/2024, L trực tiếp vào gặp ông N, giao thêm cho ông N, số tiền 230.000.000

đồng và cùng ông N đến Ngân hàng trả nợ và rút giấy đăng ký xe ô tô gốc ra giao nộp cho Cơ quan điều tra trả lại cho anh H theo thỏa thuận.

Ngày 24/6/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình ban hành Kết luận giám định số 544/KL-KTHS, kết luận: “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 50 013283, đề tên chủ xe: VÕ ĐĂNG NHÂN, biển số đăng ký: 51B - 187.06, ghi ngày cấp 15 tháng 10 năm 2021 tại thành phố Hồ Chí Minh, chữ ký đứng tên Thượng tá Nguyễn Hữu T là giả.

Ngày 29/8/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình ban hành Kết luận giám định số 974/KL-KTHS, kết luận: “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 101409, đề tên chủ xe: VÕ ĐĂNG NHÂN, biển số đăng ký: 51B - 187.06, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 9 năm 2015 là thật.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 013283, BKS 51B - 187.06, tên chủ xe: VÕ ĐĂNG N, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/10/2021; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số EA 2162570, do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3805D cấp ngày 17/10/2023; 01 hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 09/11/2023, đối với xe ô tô BKS 51B - 187.06, giữa Nguyễn Văn L và anh Võ Huy H; 01 xe ô tô BKS 51B - 187.06, nhãn hiệu THACO, do anh Võ Huy H giao nộp; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 101409, BKS 51B - 187.06, nhãn hiệu THACO, tên chủ xe: VÕ ĐĂNG N, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2015; 01 “Giấy bán xe” lập ngày 23/7/2022 giữa Trần Quang V với Nguyễn Văn L, về việc bán xe ô tô BKS 51B - 187.06; 01 “Giấy bán xe”, không đề ngày lập, giữa ông Trần Quang V với Nguyễn Văn L về việc bán xe ô tô BKS 51B - 187.06; 01 bản photo “Giấy đặt cọc xe”, không đề ngày lập, giữa ông Võ Đăng N với ông Trần Quang V về việc bán xe ô tô BKS 51B - 187.06, do Nguyễn Văn L giao nộp.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Võ Huy H các đồ vật, tài liệu gồm: 01 xe ô tô BKS 51B - 187.06, nhãn hiệu THACO; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 101409, BKS 51B - 187.06, nhãn hiệu THACO, tên chủ xe: VÕ ĐĂNG N, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2015; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số EA 2162570, do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3805D cấp ngày 17/10/2023.

Tại Cáo trạng số 166/CT-VKSQB-P3 ngày 22/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 36 Bộ luật

hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; về hình phạt bổ sung: xử phạt bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Lưu giữ các giấy tờ, tài liệu đã thu giữ trong quá trình điều tra theo hồ sơ vụ án.

Bị cáo nhất trí với toàn bộ nội dung bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Do bị cáo nhận thức không đầy đủ các quy định của pháp luật, nên mới thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình. Sau khi mua xe của ông Vinh, ông V không giao giấy đăng ký xe ô tô cho bị cáo, bị cáo đã nhiều lần liên hệ với ông N và chuyển tiền cho ông N để ông N trả tiền cho Ngân hàng lấy đăng ký xe ô tô từ Ngân hàng ra, nhưng ông N không trả tiền cho Ngân hàng để lấy giấy đăng ký xe ra giao cho bị cáo. Sau khi bán xe cho anh Hoàng bị cáo đã trực tiếp vào thành phố Hồ Chí Minh đưa tiền cho ông N và cùng ông N đến Ngân hàng làm thủ tục trả cho Ngân hàng để nhận lại giấy đăng ký xe ra giao cho anh H. Ngoài ra, bố bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; gia đình bị cáo có các con còn nhỏ, vợ không có công việc nên hoàn cảnh khó khăn; ngày 05/9/2021 đã cứu giúp người bị tai nạn giao thông và ngày 08/11/2024 đã tích cực tham gia cứu trợ đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn tại bản Mã Liềng và bản Cà Xèng, xã Thanh Hóa được chính quyền địa phương xác nhận; ngày 11/4/2024 đã phát hiện 01 cá thể Tê tê loài động vật quý hiếm và giao nộp cho cơ quan chức năng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức có thể và cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo, giáo dục bản thân và làm ăn giúp đỡ gia đình vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng trong hồ sơ đã có lời khai của họ, nếu cần thiết có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận, để có công việc vận tải hành khách, bị cáo đã mua lại xe ô tô BKS 51B - 187.06 của ông Trần Quang V ở

Hà Tĩnh. Quá trình mua bán xe ông Viết giấy mua bán xe và giao xe ô tô BKS 51B - 187.06, bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy biên nhận thể chấp xe tại Ngân hàng và các giấy tờ liên quan đến xe ô tô cho bị cáo để lưu thông và làm thủ tục đăng kiểm. Trong quá trình hoạt động kinh doanh vận tải, bị cáo đã nhiều lần yêu cầu ông Vđưa giấy đăng ký xe ô tô gốc, nhưng do ông Vchưa thanh toán đủ tiền cho người ông mua xe ô tô trước đó (ông N) nên chưa lấy được giấy đăng ký xe ô tô gốc trong Ngân hàng ra đưa cho bị cáo, nên bị cáo đã lên mạng Internet tìm kiếm và thuê người làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để sử dụng làm thủ tục đăng kiểm tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3805D vào các ngày 12/4/2023 và 17/10/2023 và dùng xuất trình trong quá trình làm việc với Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/10/2023 và giao xe ô tô BKS 51B - 187.06, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho anh Võ Huy H khi anh H mua xe của bị cáo để lưu thông và đăng kiểm. Ngày 10/4/2024, anh H đưa xe ô tô đi đăng kiểm thì bị Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3805D phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả, nên đã gửi đơn tố giác đến Cơ quan Công an tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình anh H tố cáo, bị cáo đã trực tiếp vào thành phố Hồ Chí Minh gặp ông N để giao cho ông N số tiền ông Vcòn nợ ông N và cùng ông N đến Ngân hàng trả số tiền ông N còn nợ Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô gốc ra giao cho cơ quan điều tra giao cho anh H theo thỏa thuận. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Nguyễn Văn L đã nhiều lần sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 51B - 187.06 giả để lưu thông, đăng kiểm và xuất trình với các cơ quan có thẩm quyền và giao cho người khác khi bán xe. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa.

[3] Xét tính chất, mức độ quá trình thực hiện hành vi phạm tội thấy: Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên nhận thức và biết được việc sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của các cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường và bất chấp pháp luật, nên đã cố ý sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để nhiều lần làm thủ tục đăng kiểm, làm việc với các cơ quan có thẩm quyền và giao cho người khác sử dụng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong việc quản lý, sử dụng giấy tờ, tài liệu, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường, đúng đắn, hiệu lực, hiệu quả trong việc quản lý hành chính của các cơ quan, tổ chức và làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để nhằm đấu tranh, ngăn ngừa tội phạm xảy ra và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện tích cực đưa tiền vào cho ông N để cùng ông N rút giấy đăng ký xe ô tô được thế chấp tại Ngân hàng ra giao cho anh H và bồi thường một phần thiệt hại cho anh H để khắc phục hậu quả do mình gây ra, dẫn đến thiệt hại xảy ra không lớn; bố bị cáo là người có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, được Nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; đã cứu giúp người bị tai nạn giao thông và tích cực tham gia cứu trợ đồng bào dân tộc thiểu số tại bản Mã Liềng và bản Cà Xèng trong khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; ngày 11/4/2024 đã có thành tích phát hiện 01 cá thể Tê tê thuộc loài động vật nguy cấp quý hiếm thuộc nhóm IB đang bị đe dọa tuyệt chủng, được pháp luật ưu tiên bảo vệ và giao nộp cho cơ quan chức năng được các cơ quan truyền thông (đài truyền hình địa phương, các trang báo điện tử trong và ngoại tỉnh) đưa tin tuyên dương, nên cần áp dụng quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính, nên thuộc nhân thân không tốt.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội thấy: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng, phạm tội lần đầu nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn đối với bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 BLHS để xem xét cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta mà tự giác cải tạo, giáo dục bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội và để tạo điều kiện cho bị cáo làm ăn giúp đỡ gia đình và nuôi dạy con. Vì vậy, cần chấp nhận ý kiến quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên và ý kiến của bị cáo tại phiên tòa.

[6] Về khẩu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: Hiện tại bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, vợ không có công ăn việc làm, phải nuôi ba con còn nhỏ, nên cần xem xét không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô BKS 51B - 187.06 và một số giấy tờ liên quan đến xe ô tô cho anh Võ Huy Hoàng là phù hợp với quy định của pháp luật, anh Hoàng đã nhận lại đầy đủ xe ô tô và các giấy tờ liên quan và không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với một số tài liệu, giấy tờ liên quan trong quá trình điều tra đã thu giữ, đây là những tài liệu, giấy tờ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần lưu giữ lại tại hồ sơ vụ án.

[8] Liên quan trong vụ án còn có đối tượng Tô Thị T (vợ của bị cáo Nguyễn Văn L) là người nhận tiền, chuyển tiền trong các giao dịch mua bán xe ô tô BKS 51B - 187.06, nhưng chị T không biết cụ thể về các giấy tờ mà bị cáo L sử dụng trong quá trình mua bán, lưu thông và đăng kiểm xe ô tô, nên không có cơ sở để xử lý.

[9] Về án phí: bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 36, 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 36 (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Quảng Bình nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn L.

4. Về xử lý vật chứng: Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 013283, BKS 51B - 187.06, tên chủ xe: VÕ ĐĂNG N, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/10/2021; 01 hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 09/11/2023, đối với xe ô tô BKS 51B - 187.06, giữa Nguyễn Văn L và anh Võ Huy H; 01 “Giấy bán xe” lập ngày 23/7/2022 giữa Trần Quang V với Nguyễn Văn L về việc bán xe ô tô BKS 51B - 187.06; 01 “Giấy bán xe”, không đề ngày lập, giữa Trần Quang V với Nguyễn Văn L, về việc bán xe ô tô BKS 51B - 187.06; 01 bản photo “Giấy đặt cọc xe”, không đề ngày lập, giữa Võ Đăng N với Trần Quang V, về việc bán xe ô tô BKS 51B - 187.06.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Vụ GĐKT1 TANDTC (khi án ST có HLPL);
- Phòng HSNVCS-CA Quảng Bình;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Bình;
- Phòng KTNV-THAHS TAND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa HS, VPTAQB;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Viết Hải